

TRIẾT LÝ NHÂN SINH HỒ CHÍ MINH - NHỮNG TƯ TƯỞNG SÁNG TẠO VỀ GIẢI PHÓNG CON NGƯỜI

HO CHI MINH'S HUMAN PHILOSOPHY – THE INITIATIVE
ON HUMAN LIBERATION

Nguyễn Thị Kim Bình

Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh hàm chứa những tư tưởng sáng tạo về giải phóng con người. Đó là triết lý nhân sinh hành động dựa trên chủ nghĩa nhân đạo và nhân văn cao cả vừa kế thừa truyền thống nhân ái, khoan dung tốt đẹp của dân tộc vừa thể hiện chủ nghĩa nhân đạo cộng sản hiện thực. Triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh là triết lý nhân sinh vì con người, phấn đấu cho tự do, hạnh phúc của con người. Triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh lấy thực tiễn làm điểm xuất phát, lấy giải phóng và phát triển con người làm mục tiêu, luôn luôn coi con người là sức mạnh đầu tiên và là mục tiêu cuối cùng của cách mạng, coi con người là vốn quý nhất, coi hòa bình trong độc lập tự do là nguyện vọng thiêng liêng nhất của con người.

SUMMARY

Ho Chi Minh's human philosophy embeds creative ideas on human liberation. It is the human philosophy based on the lofty humanitarian and humanism that inherit both the tradition of kind humanization and tolerance of the nation and reflect the realistic communist humanism. Ho Chi Minh's human philosophy is the philosophy for humanity and human freedom and happiness. Ho Chi Minh's human philosophy considers reality to be a starting point and human liberation and development to be targets. Besides, humanism in Ho Chi Minh's human philosophy is regarded as the first power and the final target of a revolution and the most precious resource. Furthermore, in Ho Chi Minh's human philosophy, peace in freedom is the holiest human aspiration .

Đặt vấn đề

Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng nhân văn là một nội dung quan trọng thể hiện tầm cao trí tuệ và chiều sâu tư tưởng đặc sắc. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là tư tưởng nhân văn cách mạng, tư tưởng nhân văn cộng sản thừa nhận và bảo vệ phẩm giá con người, tin tưởng ở con người và luôn luôn hướng đến việc rèn luyện và phát huy khả năng tự giải phóng của con người. Đó là cơ sở cho sự hình thành triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh – hiện thân sinh động của những tư tưởng sáng tạo về giải phóng con người.

1. Cội nguồn triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh

Trên cơ sở khái quát những thành tựu nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh trong hàng chục năm của các nhà khoa học lý luận, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc

về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người...” (1).

Có thể nhận thấy, cái cốt lõi, cái làm nên giá trị tinh thần lớn lao, cái mà Hồ Chí Minh luôn luôn gắn liền với cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, vì cuộc sống tự do, hạnh phúc của nhân dân, đó là tư tưởng vì con người và giải phóng con người. Tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh được xây dựng không chỉ trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết Mác về con người và giải phóng con người mà còn là sự kế thừa, phát triển, nâng cao truyền thống nhân ái, khoan dung hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam. Cội nguồn của chủ nghĩa nhân đạo và nhân văn Hồ Chí Minh là sự kết hợp truyền thống nhân ái dân tộc với chủ nghĩa nhân đạo trong các nền văn minh phương Đông và phương Tây. Nội dung cốt lõi của chủ nghĩa nhân đạo và nhân văn ấy là lòng yêu thương quý trọng con người gắn liền với lòng yêu nước, yêu dân nồng nàn, sâu đậm. Mục tiêu cao cả của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Phương thức thực hiện chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là hành động, hoạt động thực tiễn cách mạng của chính những lớp người đang bị áp bức bóc lột, đang cần được giải phóng. Tư tưởng đó được thể hiện đậm nét trong quan niệm của Người về con người, về cuộc sống con người và hoạt động con người.

Sinh ra và nuôi dưỡng bởi một đất nước, một dân tộc có truyền thống mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, có nền văn hóa lâu đời và luôn luôn khát vọng cháy bỏng về độc lập tự do, Hồ Chí Minh đã sớm nhận ra nỗi đau của một người dân mất nước, nỗi nhục của một kiếp đời nô lệ. Người ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc từ nỗi đau đời, thương người, không cam chịu áp bức, bất công. Người chấp nhận cuộc sống xa gia đình, quê hương, chấp nhận mọi gian khổ nguy hiểm để tìm ra hướng đi cho cả dân tộc và mưu cầu cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho hết thảy mọi người dân đất Việt. Mục tiêu không bao giờ thay đổi ở Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, giải phóng con người, đem lại cho dân tộc quyền tự do, bình đẳng trong phát triển, đồng bào mình ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, sống trong niềm vui hạnh phúc. Người đã nhiều lần khẳng định, đó là ham muốn tột bậc, duy nhất của Người.

Bằng sự trải nghiệm thực tiễn, Hồ Chí Minh thấu hiểu sâu sắc những giáo lý của đạo Phật về “từ bi, hỷ xả, cứu khổ, cứu nạn”, “cứu nhân độ thế”, song với Người, những giáo lý đó, những chủ trương ấy chỉ được coi là hữu ích khi chúng được sử dụng để “cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn” thực tế, để giải phóng dân tộc, giành độc lập cho tổ quốc, “đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ai nô lệ”. Hồ Chí Minh cũng biết đến những ước mơ, khát vọng vươn tới một xã hội cao đẹp, con người được hoàn thiện với cuộc sống ấm no, hạnh phúc ở đạo Thiên chúa, biết đến chủ trương cứu vớt chúng sinh của Đức Chúa Giêsu, nhưng với Người, khát vọng và chủ trương đó trước hết phải vì những người bị áp bức, vì những dân tộc bị đè nén, vì hòa bình và công lý, phải nhằm mục

đích cứu loài người khỏi ách nô lệ và đưa loài người đến hạnh phúc, bình đẳng, bác ái, tự do. Hồ Chí Minh cũng đã đến với những giá trị đích thực trong tư tưởng nhân văn phương Tây – đó là tự do, dân chủ, tiến bộ, nhưng cũng sớm nhận ra những hạn chế ở nền tự do, dân chủ tư sản, thấy rõ mặt trái của quyền con người theo xu hướng cá nhân cực đoan của chế độ tư bản chủ nghĩa. Từ những nhận thức sâu sắc về tư tưởng nhân văn trong các nền văn hóa Đông – Tây, từ đạo lý truyền thống của dân tộc Việt, Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Mác – Lênin và tìm thấy ở đó cái “cẩm nang” thần kỳ cho con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Người đã tiếp thu ở chủ nghĩa Mác – Lênin tư tưởng nhân đạo nhất về con người – tư tưởng vì cuộc sống hiện thực của con người vì độc lập, tự do, hạnh phúc và tiến bộ thật sự của con người. Đó là tư tưởng nhân văn cách mạng cao cả nhất bởi “tâm cốt của một hiền triết chưa chắc ở chỗ giải đáp mối tương quan giữa tồn tại và tư tưởng... ở chỗ lựa chọn giáo điều quen thuộc hay sáng tạo mới lạ, mà chung quy là ở mức quan tâm đến con người, con người thật đang phải sống trên quả đất này và chắc còn sống lâu dài đến vô tận thời gian, lấy đó làm trung tâm của mọi suy tư và chủ đích của mọi hành động” (2).

2. Triết lý nhân sinh vì con người

Triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh là suốt đời cống hiến hết mình cho sự nghiệp đấu tranh vì con người, vì cuộc sống đích thực của con người và giải phóng con người. Đó là triết lý đấu tranh không mệt mỏi để xóa bỏ mọi áp bức bóc lột, mọi bất công phi lý, giành độc lập tự do và quyền được phát triển bình đẳng cho dân tộc và nhân loại, đem lại cho con người tức là cho tất cả mọi người trong cộng đồng nhân loại một cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh lấy thực tiễn làm điểm xuất phát, lấy giải phóng và phát triển con người làm mục tiêu – đó là triết lý nhân sinh hành động, triết lý của cuộc sống, là đạo lý làm người và thành người. Hồ Chí Minh luôn luôn coi con người là sức mạnh đầu tiên và là mục tiêu cuối cùng của cách mạng. Con người là vốn quý nhất cho nên phải ra sức bảo vệ con người như bảo vệ sinh mệnh của cách mạng và hòa bình trong độc lập, tự do là nguyện vọng thiêng liêng nhất của con người. Sự nghiệp cách mạng phải phấn đấu để giành cho kỳ được độc lập, tự do trong hòa bình chân chính.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh không có con người chung chung, trừu tượng. Người chỉ rõ: “chữ người nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng hơn là cả loài người” (3). Triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh dựa trên chủ nghĩa nhân đạo hiện thức cao cả. Đó là quyết tâm hy sinh chiến đấu để giải phóng con người, là lòng tin tưởng tuyệt đối ở khả năng tự giải phóng của con người, kể cả những “người cùng khổ” và chủ trương không ngừng rèn luyện, phát huy khả năng đó. Khi đề cập đến con người, Hồ Chí Minh thường dùng những khái niệm dễ hiểu, giúp cho con người nhận rõ địa vị khốn khổ, bị áp bức bóc lột của họ, khơi gợi ở họ tinh thần phản kháng cách mạng, vùng lên đấu tranh tự giải phóng theo tinh thần “đem sức ta giải phóng cho ta”. Ở Hồ Chí Minh, chúng ta thường gặp các khái niệm: “người cùng khổ”, “người nô lệ mất nước”, “người bị bóc lột thuộc mọi chủng

tộc"... đối lập với "kẻ diêm phúc có đặc quyền đặc lợi", "bọn thực dân độc ác", "bọn ăn bám đủ các cỡ"...

Triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh dựa trên sự thống nhất giữa tư tưởng bạo lực cách mạng với tư tưởng nhân đạo thương yêu con người, coi chiến tranh chỉ là giải pháp bất buộc cuối cùng. Với lòng yêu thương con người, yêu chuộng hòa bình, tự do và công lý, Hồ Chí Minh luôn luôn chủ trương tranh thủ mọi khả năng hòa bình để giải quyết xung đột. Nếu buộc phải tiến hành chiến tranh để bảo vệ thành quả cách mạng, thì một mặt kiên quyết chiến đấu bằng mọi vũ khí có thể có, mặt khác Người luôn luôn chủ động và tích cực, tận dụng mọi khả năng giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình nhằm giảm bớt hy sinh xương máu không chỉ cho nhân dân nước mình mà cho cả nhân dân nước để quốc xâm lược. Bởi trong tư tưởng của Người, sinh mệnh con người, bất kể chủng tộc, màu da, luôn luôn là vốn quý nhất. Trong thư gửi chính giới Pháp, Hồ Chí Minh khẳng định rõ: "Theo tinh thần bốn bề đều là anh em, tôi yêu mến thanh niên Pháp cũng như thanh niên Việt Nam. Đối với tôi, sinh mệnh của một người Pháp hay sinh mệnh của một người Việt Nam đều đáng quý như nhau... Trước lòng bác ái, thì máu Pháp hay máu Việt cũng đều là máu, người Pháp hay người Việt cũng đều là người" (4) và "không có trận đánh đẫm máu nào mà lại "đẹp" cả, cho dầu thắng lớn". Với Hồ Chí Minh, đánh giặc không phải là tiêu diệt hết lực lượng của chúng mà chủ yếu là đánh bại ý chí xâm lược của chúng, kết hợp giành thắng lợi về quân sự với giải pháp ngoại giao để kết thúc chiến tranh, nhằm giảm bớt hy sinh cho con người, nhằm bảo vệ con người.

Triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh dựa trên quan niệm sự nghiệp giải phóng con người phải do chính con người thực hiện, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực chủ yếu của cách mạng. Hồ Chí Minh luôn luôn tin tưởng mãnh liệt vào sức mạnh và tính sáng tạo của con người, vào phẩm giá và khả năng vươn lên chân, thiện, mỹ của con người, luôn trân trọng phần thiện trong mỗi con người, dù nhất thời họ còn thấp bé, lầm lạc. Người chỉ rõ: "Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng" (5). Khẳng định con người là động lực của cách mạng, Hồ Chí Minh cũng đồng thời chỉ rõ, con người chỉ trở thành động lực của cách mạng khi họ được thức tỉnh, giáo dục, giác ngộ, được tổ chức và định hướng hành động đúng đắn, vì vậy việc phát huy động lực con người không thể tách rời vai trò tổ chức, lãnh đạo của Đảng cộng sản và những người cán bộ cách mạng. Hơn nữa, con người với tư cách là mục tiêu của cách mạng, con người với tư cách là động lực của cách mạng có mối quan hệ biện chứng với nhau, càng chăm lo cho "con người mục tiêu" tốt bao nhiêu thì càng phát huy "con người động lực" mạnh mẽ bấy nhiêu và ngược lại.

Trên thực tế, Hồ Chí Minh luôn luôn "lấy dân làm gốc" quan tâm đến việc bồi dưỡng sức dân, phát huy sức mạnh của nhân dân, Người thường xuyên căn dặn: "việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh". Chăm lo cho hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của chế độ xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh xác định rõ, mọi công việc đều liên quan đến con người, hướng vào phục vụ

con người, làm cho con người được phát triển toàn diện với mọi năng lực vốn có của nó. Đó là con người được làm chủ, có tự do, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Với triết lý nhân sinh hành động, Hồ Chí Minh khẳng định: “Thực hành là nền tảng của lý luận và lý luận lại phụng sự thực hành. Chỉ có thực hành mới là tiêu chuẩn của sự thật... Chỉ có thực hành mới là mực thước đúng nhất cho sự hiểu biết của con người về thế giới. Chỉ do quá trình thực hành (quá trình sản xuất vật chất, giai cấp đấu tranh, khoa học thực nghiệm), người ta mới đạt được kết quả đã dự tính trong tư tưởng, và lúc đó sự hiểu biết mới được chứng thực” (6). Biến triết lý nhân sinh thành hành động, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã tiến hành đấu tranh không biết mệt mỏi, cống hiến không tiếc sức mình vì sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Ngay cả khi phải từ biệt thế giới này theo quy luật sinh tồn, Người vẫn lấy làm tiếc vì không còn được phục vụ nhân dân “lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”. Suốt đời phục vụ nhân dân, mưu cầu hạnh phúc cho mọi người mà không hề đòi hỏi bất cứ điều gì cho riêng mình, trước khi qua đời, Người còn căn dặn: “chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”. Ngay cả thi hài của mình, người cũng yêu cầu “được đốt đi”, để “đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng”, nơi để hộp cho thi hài thì “không nên có bia đá, tượng đồng mà nên xây một ngôi nhà giản đơn, rộng rãi, chắc chắn, mát mẻ, để những người đến thăm viếng có chỗ nghỉ ngơi” (7). Thiết nghĩ, nếu không có một triết lý nhân sinh sâu sắc, thấm đượm tư tưởng nhân văn cao cả, Hồ Chí Minh đã không thể có được tư tưởng vì con người, vì mọi người quên cả bản thân mình, xem “cái chết nhẹ tựa lông hồng”, trước khi từ biệt thế giới này, vẫn không quên căn dặn chúng ta phải chăm lo cho hạnh phúc của mọi người.

Với triết lý nhân sinh cao cả và sâu sắc, Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta Bản Di chúc thiêng liêng, với lời khẳng định: “Đầu tiên là công việc đối với con người”. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đó không chỉ là công việc đầu tiên của toàn Đảng, toàn dân mà còn là công việc nhất thiết phải làm, dầu khó khăn, phức tạp đến mấy cũng phải ra sức làm. Theo tinh thần đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ: đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc, chúng ta “phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn, chốn ở yên ổn”, phải mở những lớp dạy nghề thích hợp cho họ để họ có được hành trang cần thiết bước vào cuộc sống tự lập. Đối với những người đã anh dũng hy sinh, mỗi địa phương “cần xây dựng vườn hoa và bia tưởng niệm” để mãi mãi ghi nhớ sự hy sinh của họ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân. Với những người còn trẻ, có nhiều cống hiến trong các lực lượng vũ trang và thanh niên xung phong, “Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất” để đào tạo họ trở thành những người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật giỏi, có tư tưởng, lập trường cách mạng vững vàng và lấy đó làm đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng xã hội mới. Đối với phụ nữ, Người đặc biệt nhấn mạnh: “Đảng và chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo” và coi đó là cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ.

Với lòng độ lượng, khoan dung rộng lớn đầy tình nhân ái đối với con người, Hồ Chí Minh yêu cầu chúng ta phải kết hợp giáo dục với sử dụng luật pháp để cải tạo, giúp đỡ những nạn nhân của chế độ xã hội cũ trở thành những người lao động lương thiện. Với đạo lý truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, Người dặn lại cần miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho nông dân “để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất” sau nhiều năm liên tục “ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ” vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do cho tổ quốc. Với triết lý nhân sinh sâu sắc, thấm đượm tính nhân văn, khi để lại cho chúng ta Bản di chúc thiêng liêng với niềm mong muốn cuối cùng là toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”, Hồ Chí Minh đã đề ra một chính sách xã hội chu đáo, toàn diện đối với con người. Không chỉ quan tâm đến đời sống của nhân dân, Hồ Chí Minh còn đặc biệt quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, đào tạo con người, làm cho họ trở thành lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Đề giáo dục và đào tạo con người trở thành những chủ nhân đích thực của chế độ xã hội mới, người chủ trương không chỉ “sửa đổi chế độ giáo dục cho phù hợp với hoàn cảnh mới”, mà còn phải đặc biệt chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng, giáo dục tinh thần yêu nước cho đoàn viên, thanh niên, đào tạo họ trở thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội “vừa hồng vừa chuyên”. Với tầm nhìn xuyên thế kỷ, trước khi trở về cõi vĩnh hằng, Hồ Chí Minh chỉ rõ công cuộc xây dựng xã hội mới là một cuộc chiến “rất to lớn, nặng nề và phức tạp” nhằm “chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi” và “để giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân” (8).

Chủ nghĩa xã hội trong quan niệm của Hồ Chí Minh là chế độ xã hội trước hết làm cho nhân dân lao động có công ăn việc làm, được ấm no và có cuộc sống hạnh phúc. Đó là một “xã hội mới, công bằng nhân đạo và tốt đẹp, hướng đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh, con người hạnh phúc”. Mục tiêu nhân văn đó của chủ nghĩa xã hội được Người khẳng định một cách giản đơn và dễ hiểu: “Điều quan trọng bậc nhất trong kế hoạch kinh tế của chúng ta hiện nay là nhằm cải thiện đời sống của nhân dân” (9). Trước lúc đi xa, Người vẫn không quên căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân” (10). Điều đó cho thấy, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội phải là xã hội vì con người, vì cuộc sống ấm no hạnh phúc của con người, vì sự phát triển con người, đem lại cho con người bản chất đích thực của Con Người.

Kết luận

Triết lý nhân sinh của Hồ Chí Minh dựa trên tấm lòng “luôn luôn hướng về nhân dân các dân tộc, các tầng lớp cần lao bị áp bức đọa đầy đau khổ. Người thiết tha mong mỗi thế giới hòa bình, các dân tộc được tự do và bình đẳng, con người được sống hạnh phúc và tốt đẹp” (11). Triết lý nhân sinh Hồ Chí Minh là triết lý gắn kết chủ nghĩa nhân đạo cao cả với chủ nghĩa nhân văn sâu sắc, triết lý gắn kết độc lập dân tộc với chủ nghĩa

xã hội. Đó là triết lý lấy thực tiễn làm điểm xuất phát, lấy giải phóng và phát triển con người làm mục tiêu, luôn luôn hành động vì con người, dựa vào con người mà hành động. Triết lý nhân sinh đó càng làm sáng tỏ tư tưởng Hồ Chí Minh – ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam và là tài sản tinh thần vô giá của Đảng ta và dân tộc ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 83.
- [2] *Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB KHXH, Hà Nội, 1990, tr. 287.
- [3] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 644.
- [4] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 303.
- [5] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 558.
- [6] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 248.
- [7] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 502.
- [8] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 505.
- [9] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 157.
- [10] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, T12, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 498.
- [11] Lê Khả Phiêu: *Học tập, rèn luyện tư tưởng đạo đức và cách mạng, thực hiện thắng lợi cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Tạp chí Cộng sản*, số 11, 1999, tr. 16.